TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2026/DS-ST
Ngày: 19-01-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có****:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện;

2.Ông Lê Phú Tâm.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Việt Hà– Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Phương Uyên– Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 638/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 393/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 343/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 (V2); Địa chỉ: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Y- Hoach Ayũn, sinh năm 1997; Địa chỉ liên hệ: Số F N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh (Là người đại diện theo uỷ quyền - Văn bản uỷ quyền ngày 03/9/2025). Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số H khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 9 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 (V2) trình bày:

Ngày 22/12/2022, bà Nguyễn Thị V được Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 (V2) cấp tài khoản thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử với số tiền là 40.000.000 đồng; Mục đích tiêu dùng cá nhân, khoản vay không có tài sản đảm bảo theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 22/12/2022 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 và bà Nguyễn Thị V; Ngày 22/12/2022, Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 đã giải ngân số tiền 40.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị V theo hồ sơ giải ngân số LD2235601292.

Đến ngày 15/06/2024, do bà Nguyễn Thị V vi phạm nghĩa vụ thanh toán, theo nội dung đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, toàn bộ khoản vay đều đã chuyển nợ quá hạn.

Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 đã nhiều lần trao đổi, làm việc và tạo mọi điều kiện để bà Nguyễn Thị V tìm nguồn tiền thanh toán vốn vay, các khoản lãi phát sinh tại Ngân hàng Thương mại cổ phần V1. Nhưng đến thời điểm hiện nay, bà Nguyễn Thị V vẫn không thực hiện thanh toán theo đúng các cam kết với Ngân hàng.

Tính đến ngày 19/01/2026, bà Nguyễn Thị V còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 số nợ gốc, lãi quá hạn tổng cộng là 81.506.941 đồng, cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 35.120.016 đồng;

- Lãi quá hạn: 46.386.925 đồng;

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

1. Buộc bà Nguyễn Thị V phải có trách nhiệm thanh toán ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 toàn bộ số nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 22/12/2022 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 và bà Nguyễn Thị V tính đến ngày 19/01/2026, là 81.506.941 đồng, gồm:

- Nợ gốc: 35.120.016 đồng;

- Lãi quá hạn: 46.386.925 đồng;

2. Đồng thời, buộc bà Nguyễn Thị V còn phải thanh toán cho ngân hàng tiền lãi quá hạn, lãi của lãi chậm trả được tính theo Hợp đồng tín dụng (đã nêu) từ ngày 20/01/2026 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Án phí và chi phí tố tụng bị đơn phải chịu theo quy định.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

** Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị V:* Quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị V đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ

và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng bà V đều vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Quá trình xác minh, bị đơn bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1966 có đăng ký thường trú tại địa chỉ: Số H khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị V thanh toán nợ gốc, nợ lãi đối với khoản vay thông qua sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần V1. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn bà Nguyễn Thị V có hộ khẩu thường trú tại: Số H khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 23/12/2025 và 19/01/2026 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho bị đơn; đồng thời đã triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia các buổi làm việc, phiên họp, phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do; không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ; không cung cấp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn bà Nguyễn Thị V phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91, 96 Bộ

luật Tố tụng dân sự. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 22/12/2022, bà Nguyễn Thị V ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử với Ngân hàng Thương mại cổ phần V1. Theo đó, bà Nguyễn Thị V được Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 cấp tài khoản thanh toán với số tiền là 40.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, khoản vay không có tài sản đảm bảo. Ngày 22/12/2022, Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 đã giải ngân số tiền 40.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị V theo hồ sơ giải ngân số LD2235601292.

Đến ngày 15/06/2024 do bà Nguyễn Thị V vi phạm nghĩa vụ thanh toán, theo nội dung đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, toàn bộ khoản vay đều đã chuyển nợ quá hạn.

Tính đến ngày 19/01/2026, bà Nguyễn Thị V còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 số nợ gốc, lãi quá hạn tổng cộng là 81.506.941 đồng, cụ thể như sau: Nợ gốc: 35.120.016 đồng; Lãi quá hạn: 46.386.925 đồng;

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 22/12/2022, giữa bà Nguyễn Thị V và Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 là tự nguyện, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc và các bên phải thực hiện.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị V đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 22/12/2022. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị V thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 số tiền tính đến ngày 19/01/2026, là 81.506.941 đồng, gồm: Nợ gốc: 35.120.016 đồng; Lãi quá hạn: 46.386.925 đồng;

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không cung cấp được chứng cứ về việc không vay nợ hoặc tài liệu chứng cứ về việc đã thanh toán một phần hoặc toàn bộ tiền nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về yêu cầu trả liền lãi: Việc thỏa thuận lãi suất và phí thẻ tín dụng trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 22/12/2022 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 và bà Nguyễn Thị V là phù hợp với quy định của pháp luật. Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*". Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong thì bị đơn bà Nguyễn Thị V phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 các khoản lãi, phí phát sinh cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 22/12/2022 giữa bà Nguyễn Thị V với Ngân hàng Thương mại cổ phần V1.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị V phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 đối với bà Nguyễn Thị V về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Buộc bà Nguyễn Thị V có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 khoản nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 22/12/2022 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 và bà Nguyễn Thị V tính đến ngày 19/01/2026, là 81.506.941 đồng (tám mươi mốt triệu năm trăm linh sáu nghìn chín trăm bốn mươi mốt đồng), gồm:

+ Nợ gốc: 35.120.016 đồng;

+ Lãi quá hạn: 46.386.925 đồng;

- Buộc bà Nguyễn Thị V phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 các khoản lãi, phí phát sinh từ ngày 20/01/2026 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng hạn

mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 22/12/2022.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị V phải chịu số tiền 4.075.347 đồng (Bốn triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng).

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 số Tiền 2.020.111 đồng (Hai triệu không trăm hai mươi nghìn một trăm mười một đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0022323 ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hải Nam